

Bản án số: 14/2025/HS-ST

Ngày: 26/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hưng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Hòa

2. Bà Hà Thị Tám

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Thế Anh –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Bá Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2025/HSST ngày 29/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 15/9/2025 đối với.

Bị cáo: Lê Văn T, tên gọi khác (Không), sinh ngày 28 tháng 5 năm 1990 tại huyện M, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Xóm H, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình nay là xóm H, xã B, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Quyết định số: 30/2021/QĐ-TA ngày 15/10/2021 của TAND huyện Mai Châu. Chấp hành xong ngày 16/9/2023.

Nhân thân: bị xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số: 49/2019/HSST ngày 20/11/2019 của TAND huyện Mai Châu. Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 23/12/2020.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/5/2025, chuyển tạm giam ngày 22/5/2025. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1982; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 16/5/2025, tổ công tác Công an tỉnh H đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại xóm M, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình nay là xóm M, xã P, tỉnh Phú Thọ. Tổ công tác phát hiện Lê Văn T đang điều khiển xe mô tô BKS 28M1-062.31 có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu T dừng xe

để kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra đã phát hiện tại khe hở chiếc dép bên phải của T đang đi có 01 gói nilon màu xanh, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng nghi là ma túy. Lê Văn T khai nhận đó là ma túy T mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ niêm phong toàn bộ vật chứng.

Tại Cơ quan điều tra Lê Văn T khai nhận: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 16/5/2025, Lê Văn T đã mượn xe mô tô BKS28M1-062.31 của Nguyễn Anh D sau đó một mình đi lên khu vực xóm T, xã H nay là xóm T, xã P, tỉnh Phú Thọ để tìm mua ma túy. Tại đây T gặp một người đàn ông không quen biết, qua nói chuyện T đưa cho người đàn ông này 100.000 đồng, nhận tiền xong người đàn ông bảo T đứng chờ, sau đó người đàn ông quay lại đưa cho T 01 gói nilon màu xanh bên trong có chứa ma túy. Lê Văn T cầm ma túy trên tay rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà, trên đường đi về T bỏ một ít ra sử dụng, số còn lại T cất giấu tại khe hở của chiếc dép T đang đi và tiếp tục điều khiển xe đi về nhà. Khi xe đi đến địa phận xóm M, xã P, tỉnh Phú Thọ thì bị tổ Công tác phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng.

Quá trình giải quyết vụ án xác định xe mô tô BKS28M1- 062.31 là của anh Nguyễn Anh D, không phải là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Ngày 28/6/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã trả xe mô tô cho anh Nguyễn Anh D.

Tại bản Kết luận giám định số 264/KL-KTHS ngày 22/5/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng trong phong bì niêm phong là “Vật chứng thu giữ của Lê Văn T gửi giám định” có khối lượng là 0,14g là ma túy loại Heroine

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSKV16 ngày 26/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 truy tố Lê Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Lê Văn T từ 14 đến 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, không biết địa chỉ ở đâu nên không có căn cứ đề nghị xử lý.

Đối với anh Nguyễn Anh D cho Lê Văn T mượn xe, nhưng anh D không biết T sử dụng để đi mua ma túy nên không có cơ sở để tiếp tục xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị tịch thu toàn bộ số ma túy của bị cáo để tiêu hủy.

Đề nghị áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận về hành vi phạm tội như sau: Do bị cáo nghiện ma túy nên ngày 16/5/2025 Lê Văn T đã mua 0,14g Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định, biên bản hỏi cung và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận Lê Văn T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Heroine, C1, Methamphetamine, A, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Như vậy khẳng định bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về công tác quản lý các chất ma túy, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện của mình, bị cáo đã cố tình phạm tội.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng có nhân thân xấu đã bị xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị cáo có 01 tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các tình tiết này được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung, hướng xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Xét thấy có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Về các lễ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 16/5/2025.

3. Về vật chứng của vụ án: Tuyên tịch thu để tiêu hủy: 01(một) phong bì niêm phong “ mẫu vật còn lại sau giám định vụ: Lê Văn T, sinh năm 1990 – Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 16/5/2025 tại xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình” mép dán có dấu niêm phong của phòng K1 – Công an tỉnh H và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 16, tỉnh Phú Thọ, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 08/PTHADSKV 16 ngày 04/9/2025.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xin xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Trại tạm giam cơ sở 3;
- Phòng Hồ sơ CAT PT;
- VKSND khu vực 16;
- THA hình sự;
- Phòng THA dân sự khu vực 16;
- UBND xã Bao La;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Hồng Hưng